

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/DS-PT

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu

Các Thẩm phán tham gia: Ông Nguyễn Anh Ứng và ông Nguyễn Tài Sử.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh, là Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 08 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐ-PT ngày 29/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐ-PT ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà [Hoàng Thị L](#) và ông [Nguyễn Quốc T](#); địa chỉ: [Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#). – vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông [T](#): Bà [Hoàng Thị L](#) – vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà [L](#): Bà [Bùi Thị D](#); địa chỉ: [Tổ F, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông](#). – có mặt.

2. Bị đơn: Anh [Lê Duy L1](#); địa chỉ: [Lô A Chung cư K, đường Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh](#). – có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông [L1](#): Bà [Lê Trần Hoàng O](#); địa chỉ: [A thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#). – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông [Võ Cao T1](#); địa chỉ: [VPLS T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#) – có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà [Lê Trần Hoàng O](#); địa chỉ: [A thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#) – có mặt.

3.2. Bà [Nguyễn Phương T2](#); địa chỉ: [Thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#) – vắng mặt.

3.3. Ngân hàng TMCP C

Người đại diện theo pháp luật: Bà [Hoàng Thị H](#) – chức vụ: Phó giám đốc – có mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn anh [Lê Duy L1](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Lê Trần Hoàng O](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà [Hoàng Thị L](#) trình bày:

Ngày 24/5/2023, anh [Lê Duy L1](#) đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông [T](#), bà [L1](#) diện tích đất 165m², thửa đất số 886, tờ bản đồ số 06 tại [thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông](#) với giá 2.950.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, anh [L1](#) sẽ thế chấp đất vay ngân hàng để thanh toán cho ông [T](#), bà [L1](#) 2.900.000.000 đồng còn lại. Khi anh [L1](#) giao đủ tiền, ông [T](#) và bà [L1](#) sẽ bàn giao đất.

Ngày 07/6/2023, các bên hoàn thành thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, sau khi thế chấp và nhận tiền vay từ Ngân hàng, anh [L1](#) chỉ thanh toán cho vợ chồng ông [T](#), bà [L1](#) 2.372.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu đồng), số tiền còn lại 578.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu đồng) anh [L1](#) vẫn chưa trả.

Do đó, ông [T](#), bà [L1](#) khởi kiện yêu cầu anh [L1](#) phải thanh toán số tiền còn lại là 578.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ thời điểm anh [L1](#) vay ngân hàng ngày 13/6/2023 tạm tính đến ngày khởi kiện 13/8/2023 với lãi suất 0,83%/tháng là 9.594.800 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả xong tiền.

Đối với việc anh [Lê Duy L1](#) đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 886, bà [L1](#) không có ý kiến gì.

2. Nguyên đơn ông [Nguyễn Quốc T](#): Có văn bản uỷ quyền cho bà [Hoàng Thị L](#) tham gia tố tụng.

3. Bị đơn anh Lê Duy L1 và người đại diện theo uỷ quyền của anh L1 là bà Lê Trần Hoàng O trình bày:

Anh L2 thừa nhận việc ký kết hợp đồng đặt cọc và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như bà L2 trình bày. Tuy nhiên anh cho rằng đã trả hết cho nguyên đơn số tiền 2.950.000.000 đồng, trong đó 2.372.000.000 đồng trả trực tiếp cho ông T, bà L2 và 578.000.000 đồng là thay bà L2 trả những chủ nợ khác mà bà L2 vay tiền, cụ thể: Trả cho bà O 520.000.000 đồng, trả cho bà T2 44.000.000 đồng và trả cho anh T3 13.300.000 đồng.

Trong đó, số tiền 520.000.000đ là tiền bà L2 vay bà T2, bà T2 vay bà O; bà L2, bà T2, bà O thống nhất bà L2 sẽ trực tiếp trả cho bà O; 44.000.000 đồng là tiền bà L2 mua nợ mỹ phẩm của bà T2 và 13.300.000 đồng là tiền bà L2 vay nóng của ông T3.

Việc cản trở nợ giữa các bên chỉ nói miệng với nhau, không lập thành văn bản nhưng có người làm chứng là ông T3, bà T4.

Do đã trả hết tiền, anh L2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L2, ông T.

Ngày 06/10/2023, anh L2 có đơn phản tố, yêu cầu ông T, bà L2 phải bàn giao thửa đất số 886, tờ bản đồ số 6, diện tích 165m² tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Đối với việc anh đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 886 để vay tiền tại Ngân hàng V – phòng G thì khoản vay của anh chưa đến hạn, anh cũng đã thực hiện hợp đồng tín dụng đúng cam kết nên anh đề nghị Ngân hàng tiếp tục để anh vay và thế chấp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

4. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phương T2 trình bày:

Năm 2021, bà L2 có vay của bà T2 tổng số tiền 220.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này là của bà O. Ngoài ra, bà L2 có nợ riêng bà T2 44.000.000 đồng tiền mua mỹ phẩm.

Ngày anh L2 vay tiền ở ngân hàng để thanh toán tiền mua đất cho bà L2, bà O có thông báo cho bà T2 biết. Tại ngân hàng, các bên thống nhất miệng cản trở số tiền mà bà L2 đang nợ bà O và bà T2 vào tiền chuyển nhượng đất của anh L2 (anh Linh là em trai của bà O và là anh em họ với bà T2); anh L2 sẽ chuyển trực tiếp số tiền nợ của bà L2 cho bà O và bà T2. Tuy nhiên tới thời điểm này bà T2 vẫn chưa nhận được tiền.

Nay bà T2 không đồng ý với việc chuyển nợ nữa và đã tách số tiền 264.000.000 đồng để khởi kiện bà L2 bằng một vụ án riêng vào ngày 19/4/2024.

5. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Lê Trần Hoàng O trình bày:

Bà O thống nhất số tiền 220.000.000đ bà T2 cho bà L2 vay là tiền của bà O. Do bà L2 không trả nợ, bà O và bà T2 đến nhà bà L2 nói chuyện, bà L2 đã đồng ý trả lãi và gốc, trả thẳng cho bà O mà không qua bà T2 khi bán được nhà.

Ngày 13/6/2023, khi bà L2 chuyển nhượng đất cho anh L2 là em trai của bà O, bà L2 cũng đồng thời đồng ý căn trừ số nợ 520.000.000đ (gồm 220.000.000đ tiền gốc và 300.000.000đ tiền lãi) mượn của bà O vào tiền bán đất. Do đó, anh L2 đã trực tiếp chuyển khoản số tiền này cho bà O. Bà O yêu cầu bà L2 tiếp tục thực hiện việc chuyển nợ này.

6. Đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng TMCP C là ông Vũ Văn T5 trình bày:

Ngày 09/6/2023, anh Lê Duy L1 có thể chấp 04 bìa đỏ để vay 2.900.000.000 đồng (Hai tỉ chín trăm triệu đồng). Trong 04 bìa có 01 bìa là thửa đất số 886, bản đồ số 06 tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hiện khoản vay này của anh L1 chưa đến hạn. Anh L2 vẫn đang thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng. Việc anh Lê Duy L1 vay ngân hàng là hợp pháp, trước yêu cầu khởi kiện của bà L1 và ông T thì quan điểm của Ngân hàng là trong trường hợp việc giải quyết vụ án liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng thế chấp của ông L1 với ngân hàng (đối với quyền sử dụng đất thửa 886, tờ bản đồ số 06) thì Ngân hàng sẽ yêu cầu xét xử độc lập liên quan đến khoản vay và tài sản bảo đảm cho khoản vay đang phát sinh tại ngân hàng. Nếu việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

7. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Lê H1 trình bày: Ngày 6/6/2023, bà H1 (chồng là Mai Hữu T6) có cho ông Lê Duy L1 vay số tiền 1.900.000.000đ để mua đất. Ông L1 đã trả đủ số tiền vay trên nên bà không có ý kiến gì.

Tại bản án số 24/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 91, khoản 2 Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 184; khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 167; Điều 188 của Luật đất đai; Điều 501; Điều 502; Điều 503; khoản 2 Điều 365; khoản 3 Điều 440 của BLDS, Điều 357; khoản 2 Điều 468 của BLDS; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T và bà Hoàng Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07/6/2023 giữa ông Nguyễn Quốc T, bà Hoàng Thị L với anh Lê Duy L1 có hiệu lực pháp luật. Buộc anh Lê Duy L1 phải trả cho ông Nguyễn Quốc T, bà Hoàng Thị L 578.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám triệu đồng) và lãi chậm trả tính đến

ngày 09/7/2024 là 58.848.000 đồng (Năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng), tổng cộng là 636.848.000 đồng (Sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

1.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh [Lê Duy L1](#). Buộc ông [Nguyễn Quốc T](#) và bà [Hoàng Thị L](#) giao cho anh [Lê Duy L1](#) thửa đất số 886, tờ bản đồ số 06, diện tích 165m² tọa lạc tại [thôn K, xã Đ, huyện Đ](#), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG947610 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông [Nguyễn Quốc T](#) và bà [Hoàng Thị L](#) ngày 01/8/2011, đã được làm thủ tục sang tên đổi chủ cho anh [Lê Duy L1](#) (có đặc điểm như biên bản xem xét thẩm định ngày 05/01/2024).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/7/2024, bị đơn anh [Lê Duy L1](#) và đại diện theo ủy quyền của anh [L1](#), đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Lê Trần Hoàng O](#) kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu cản trừ nợ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh [L1](#), bà [O](#) trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh [Linh](#) và bà [O](#), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh [Lê Duy L1](#) và bà [Lê Trần Hoàng O](#) trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Ngày 07/6/2023, nguyên đơn bà [Hoàng Thị L](#) và ông [Nguyễn Quốc T](#) ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh [Lê Duy L1](#) 01 thửa đất với giá 2.950.000.000 đồng. Hợp đồng đã được công chứng và đất đã được sang tên cho anh [L1](#).

Bà [L1](#) và ông [T](#) cho rằng anh [L1](#) mới chỉ trả 2.372.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn lại là 578.000.000 đồng kèm lãi suất. [Anh L2](#) cho rằng đã trả hết cho bà [L2](#), ông [T](#) số tiền 2.950.000.000 đồng, trong đó có 2.372.000.000 đồng trả trực tiếp cho ông [T](#), bà [L2](#) và 578.000.000 đồng được các bên thoả thuận cần nợ (anh [L2](#) thay bà [L2](#) trả những chủ nợ khác mà bà [L2](#) vay tiền).

Như vậy, các bên tranh chấp về số tiền 578.000.000 đồng là tiền cần nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. [Anh L2](#), bà [O](#) cho rằng giữa các bên có thỏa thuận miệng về việc cần trừ nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các biên lai chuyển tiền, tin nhắn zalo chỉ thể hiện việc bà [L2](#) có vay nợ bà [T2](#), bà [O](#) và bà [L2](#) hứa sẽ trả nợ sau khi bán được nhà. File trích xuất ghi âm do anh [L2](#), bà [O](#) cung cấp cũng chỉ thể hiện giữa các bên có thương lượng về việc cần trừ nợ, tuy nhiên việc thương lượng này chưa thành. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2023 (bút lục 60), anh [L2](#) khai, nếu đưa trực tiếp tiền cho bà [L2](#), thì bà [L2](#) sẽ không chịu trả cho bà [O](#), bà [T2](#). Như vậy, việc bà [L2](#) tự nguyện và đồng ý cần trừ nợ là không có.

[2.2]. Bà [L2](#) cho rằng không có và không đồng ý việc cần nợ; tiền bà [L2](#) vay ai sẽ tự trả. Bà [T2](#) cũng không đồng ý việc chuyển nợ và đã khởi kiện bà [L2](#) bằng một vụ án khác. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận việc cần trừ nợ và buộc anh [L2](#) phải trả cho bà [L2](#), ông [T](#) số tiền 578.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh [Linh](#) và bà [O](#) về việc cần trừ nợ.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh [L2](#) và bà [O](#) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh [Lê Duy L1](#) và bà [Lê Trần Hoàng O](#), giữ nguyên bản án dân sự số 24/2024/DS-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông [Nguyễn Quốc T](#) và bà [Hoàng Thị L](#).

Buộc anh [Lê Duy L1](#) phải trả cho ông [Nguyễn Quốc T](#), bà [Hoàng Thị L](#) số tiền 578.000.000 đồng (*năm trăm bảy mươi tám triệu đồng*) và lãi chậm trả tính đến ngày 09/7/2024 là 58.848.000 đồng (*năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*), tổng cộng là 636.848.000 đồng (*sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh [Lê Duy L1](#).

Buộc ông [Nguyễn Quốc T](#) và bà [Hoàng Thị L](#) có nghĩa vụ giao cho anh [Lê Duy L1](#) thửa đất số 886, tờ bản đồ số 06, diện tích 165m² (kết quả đo đạc thực tế là 150,8m²) tọa lạc tại [thôn K, xã Đ, huyện Đ](#), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG947610 do [Ủy ban nhân dân huyện Đ](#) cấp cho ông [Nguyễn Quốc T](#) và bà [Hoàng Thị L](#) ngày 01/8/2011, đã được làm thủ tục đăng ký biến động sang tên anh [Lê Duy L1](#), có tứ cận: phía đông giáp đất bà [L1](#) và ông [D1](#) cạnh dài 5,1m; phía tây giáp đường cạnh dài 5m; phía nam giáp đất bà [D](#) (đang cho ông [T1](#) thuê) dài 30,3m; phía bắc giáp đất nhà ông [Nguyễn Quốc T7](#) dài 30,3m (kết quả đo máy) cùng tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp 4, 01 mái vòm lợp tôn khung sắt, nền láng xi măng, 01 cửa kéo bằng thép hộp diện tích 4,8 x 2m (*có đặc điểm giống như biên bản xem xét thẩm định ngày 05/01/2024*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Do nguyên đơn ông [Nguyễn Quốc T](#), bà [Hoàng Thị L](#) đã nộp 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên anh [Lê Duy L1](#) phải trả cho ông [T](#), bà [L1](#) 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); Toà án nhân dân huyện Đắk Song hoàn trả cho ông [T](#), bà [L1](#) 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn anh [Lê Duy L1](#) phải chịu 29.474.000 (*hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng - làm tròn số*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001602 ngày 06/10/2023 tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, anh [L1](#) còn phải nộp 29.174.000 đồng (*hai mươi chín triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Buộc ông [Nguyễn Quốc T](#), bà [Hoàng Thị L](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 13.752.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009422 ngày 17/8/2023 tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, trả lại cho ông [T](#), bà [L](#) 13.452.000 đồng (*mười ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh [Lê Duy L1](#) và bà [Lê Trần Hoàng O](#) mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào

300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0005957 ngày 25/7/2024 và biên lai số 0005956 ngày 25/7/2024 tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Mil.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đăk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đăk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa DS, HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hữu

